

Số: 11/2017/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 05 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước
về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Nhà ở năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30/10/2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 77/TTr-SXD ngày 21/3/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2017, thay thế Quyết định số 2317/QĐ-UBND ngày 03/9/2014, Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 của UBND tỉnh Sơn La. Các văn bản quy định do UBND tỉnh Sơn La ban hành trước đây trái với Quyết định này đều hết hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Sơn La; Trưởng ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *l. K*

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (b/c);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3 (t/h);
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Trung tâm Công báo, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, TH, KG-VX, NC, Quý-KT, 50b.



Cầm Ngọc Minh

QUY ĐỊNH

Trách nhiệm quản lý Nhà nước

về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 04/4/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng, giám định xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, bảo trì công trình xây dựng và giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan tới công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quy định tại Mục VI Phụ lục I Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, thực hiện theo hướng dẫn về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng cho các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện phải đảm bảo nguyên tắc thống nhất, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót đối tượng quản lý, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và quy định của pháp luật.

Chương II

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 4. Sở Xây dựng

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, thực hiện các việc sau:

a. Thực hiện các việc quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm h, Điểm i, Điểm k và Điểm l Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b. Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu khi hoàn thành thi công xây dựng đối với các công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý (trừ các công trình do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh kiểm tra nêu tại Điểm b Khoản 2 Điều 6 và Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra nêu tại Khoản 3 Điều 8 Quy định này);

c. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố cấp I, cấp II đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý;

d. Kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng theo quy định tại Điểm g, Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP trừ các công trình thuộc trách nhiệm kiểm tra của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh;

đ. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý đối với các công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP thuộc phạm vi quản lý của Sở.

Điều 5. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

1. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các loại công trình theo quy định tại Khoản 4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm:

a. Thực hiện các việc quy định tại Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ Khoản 2 Điều 4 Quy định này;

b. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 30 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh

1. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng các loại công trình trong khu công nghiệp.

2. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm:

a. Thực hiện các việc quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 54 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b. Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu khi hoàn thành thi công xây dựng công trình cấp III, cấp IV nằm trong khu công nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giám định nguyên nhân sự cố công trình khi được yêu cầu; Hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng công trình xây dựng;

d. Tổng hợp và báo cáo đột xuất, định kỳ vào ngày 30 tháng 11 hằng năm cho UBND tỉnh và Sở Xây dựng việc tuân thủ theo quy định về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi khu công nghiệp do mình quản lý.

Điều 7. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình trên địa bàn, bao gồm (trừ các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy định này):

a. Công trình do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư;

b. Công trình do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng;

c. Công trình nhà ở riêng lẻ không thuộc Điểm b Khoản này.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

3. Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn quản lý đối với các công trình quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Chủ trì giải quyết sự cố cấp III đối với công trình xây dựng trên địa bàn quản lý;

5. Thông báo, xử lý đối với các công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp quy định tại Điểm c, Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP trên địa bàn quản lý;

6. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giám định nguyên nhân sự cố công trình khi được yêu cầu.

7. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 30 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 8. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều 7 Quy định này;

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu khi hoàn thành thi công xây dựng đối với các công trình xây dựng có yêu cầu bắt buộc phải kiểm tra công tác nghiệm thu theo Khoản 1 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP, bao gồm (trừ các công trình quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 6 Quy định này):

a. Công trình dân dụng

- Công trình cấp IV sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn quản lý;
- Công trình cấp III đối với mọi nguồn vốn trên địa bàn quản lý (quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Quy định này).
- Công trình cải tạo, sửa chữa không làm thay đổi kết cấu chịu lực của công trình.

b. Công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Công trình cấp IV: Tuyến ống cấp nước (nước thô hoặc nước sạch) trừ công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn; Công viên cây xanh; Sân bãi để xe, máy móc, thiết bị (không có mái che); Nhà để xe ô tô nổi; Nghĩa trang;
- Công trình cấp III: Hệ thống chiếu sáng công cộng; Tuyến cống thoát nước mưa, cống chung; Tuyến cống thoát nước thải.
- Các công trình cải tạo, sửa chữa có tổng mức đầu tư <5 tỷ đồng.

c. Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Công trình thủy lợi cấp IV (trừ: Hồ chứa nước, đập dâng, tường chắn nước có chiều cao >5m) có tổng mức đầu tư <7 tỷ đồng;
- Công trình Cấp nước sinh hoạt nông thôn có tổng mức đầu tư <5 tỷ đồng.

d. Công trình giao thông:

- Đường ô tô cấp IV;
- Đường trong đô thị: Đường phân khu vực; đường vào nhóm nhà ở; vào nhà; đường nội bộ trong một công trình; đường xe đạp; đường đi bộ;
- Đường giao thông nông thôn;
- Cầu đường bộ nhịp lớn nhất <12m, chiều cao trụ cầu <6m;

- Cầu vượt dành cho người đi bộ, xe đạp; cầu dây võng, một nhịp; cầu cứng nằm trên đường giao thông nông thôn và khổ cầu không lớn hơn 3,5m: Nhịp kết cầu lớn nhất <25m, chiều cao trụ cầu <15m;

- Cầu treo dân sinh (dành cho người đi bộ, gia súc, xe đạp, xe mô tô/ gắn máy và xe thô sơ khác) vận dụng thiết kế mẫu, thiết kế định hình được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận, phê duyệt; chiều dài nhịp $\leq 50m$, chiều cao trụ hoặc độ cao tính từ đáy kết cấu dầm tới mặt đất, mặt nước bên dưới <15m.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 106 Luật Xây dựng.

2. Tiếp nhận báo cáo sự cố của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình, đồng thời ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân tỉnh về sự cố theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

3. Trường hợp phát hiện công trình, hạng mục công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an toàn cho việc khai thác sử dụng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và thực hiện ngay các biện pháp xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác sử dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

4. Lập danh mục, theo dõi các công trình khởi công xây dựng trên địa bàn xã, phường, thị trấn; định kỳ 6 tháng/1 lần báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra.

5. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh nếu có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, tùy theo mức độ vi phạm bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp vi phạm các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sẽ phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh tỉnh theo dõi, kiểm tra

sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn; xác định tổ chức, cá nhân nhiều lần vi phạm gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình đề đề nghị cấp có thẩm quyền công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân này trên trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /


**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cầm Ngọc Minh

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG CẤP III THUỘC THẨM
QUYỀN CẤP HUYỆN KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 04/4/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

TT	Loại công trình	Tiêu chí phân cấp	Công trình phân cấp
I	Nhà ở		
1	Nhà chung cư	Số tầng	≤ 2
2	Nhà ở tập thể, ký túc xá	Số tầng	≤ 2
II	Công trình công cộng		
1	Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường phổ thông các cấp	Số tầng	≤ 2
2	Trường đại học, trường cao đẳng; Trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề, trường công nhân kỹ thuật, trường nghiệp vụ	Số tầng	≤ 2
III	Công trình y tế		
	Bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa từ trung ương đến địa phương; các phòng khám đa khoa, khám chuyên khoa khu vực; trạm y tế, nhà hộ sinh; nhà điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, nhà dưỡng lão; cơ sở phòng chống dịch bệnh; các cơ sở y tế khác	Số tầng	≤ 2
IV	Công trình thể thao		
1	Sân vận động, sân thi đấu các môn thể thao ngoài trời có khán đài	Sức chứa của khán đài (nghìn chỗ)	≤ 0,5
2	Nhà thi đấu, tập luyện các môn thể thao có khán đài	Sức chứa của khán đài (nghìn chỗ)	≤ 0,25
V	Công trình văn hóa		
1	Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc, vũ trường, bảo tàng, thư viện, triển lãm và các công trình văn hóa tập trung đông người khác	Tổng sức chứa (nghìn người)	≤ 0,25
2	Pa nô, biển quảng cáo độc lập, công chào	Chiều cao (m)	≤ 15
VI	Công trình thương mại, dịch vụ và trụ sở làm việc		
1	Chợ	Số tầng	≤ 2



2	Công trình đa năng, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ	Tổng diện tích sàn (nghìn m ²)	≤ 1,5
3	Trụ sở cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị	Số tầng	≤ 2
4	Trụ sở làm việc của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp	Số tầng	≤ 2
5	Trung tâm thương mại, siêu thị	Tổng diện tích kinh doanh (nghìn m ²) Số tầng	≤ 1 ≤ 2
6	Cửa hàng, nhà hàng ăn uống, giải khát và công trình tương tự khác	Tổng diện tích kinh doanh (nghìn m ²) Số tầng	≤ 0,5 ≤ 2

Ghi chú:

- Số tầng trong tiêu chí phân cấp của Phụ lục thuộc phần nổi công trình. Trường hợp công trình có nhiều hơn 01 tầng hầm thì công trình không thuộc danh mục của Phụ lục 1 về phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện.

- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng gồm nhiều công trình chính độc lập với nhau, áp dụng tiêu chí phân cấp cao nhất tương ứng trong Phụ lục 01 để xác định thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình.